

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI	
BỘ PHẬN MỘT CỬA	
ĐẾN (HS)	Số:
	Ngày: 28/3/2016
	Chuyển:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

Trang

1.	Mục lục	01
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 08
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 – 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 – 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.750.000.000 đồng.

Mã số thuế: 4703000499

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đặng Trọng Thành	Chủ tịch
- Ông Phạm Văn Hội	Thành viên
- Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
- Bà Ngô Thị Đài Trang	Kiểm soát viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	Kiểm soát viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Văn Hội	Giám đốc
- Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Phan Bình	Phó Giám đốc
- Ông Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty

7. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Văn Hội
Giám đốc



Số: 04/2016/BCKT-PKF-HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được lập ngày 06 tháng 01 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.945.093.247	31.071.997.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.504.046.121	24.901.932.862
1. Tiền	111		24.504.046.121	16.901.932.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.674.521.780	5.818.608.454
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	9.617.403.288	5.118.786.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	76.482.620	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	980.635.872	699.822.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		766.525.346	351.456.370
1. Hàng tồn kho	141	V.6	766.525.346	351.456.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.068.105.102	42.697.009.263
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.420.935.577	3.339.357.074
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	2.508.447.750	3.426.869.247
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	210		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(87.512.173)	(87.512.173)
II. Tài sản cố định	220		34.647.169.525	37.904.667.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	34.647.169.525	37.904.667.542
<i>Nguyên giá</i>	222		50.940.597.468	47.699.111.779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.293.427.943)	(9.794.444.237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.442.505.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	1.442.505.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	10.479.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	10.479.647
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.013.198.349	73.769.006.949

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		44.304.084.439	49.265.104.124
I. Nợ ngắn hạn	310		18.375.292.895	15.076.445.425
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	4.306.891.167	5.834.959.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.484.797.168	1.437.377.647
4. Phải trả người lao động	314	V.12	9.318.268.616	6.800.471.663
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.245.095.805	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	349.108.075	768.466.311
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	671.132.064	235.170.064
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.928.791.544	34.188.658.699
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	53.791.544	4.563.658.699
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10	250.000.000	250.000.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	25.625.000.000	29.375.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.709.113.910	24.503.902.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.709.113.910	24.503.902.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	16.750.000.000	16.750.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.750.000.000	16.750.000.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	31.510.500	31.510.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	3.803.030.325	2.028.770.485
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	8.124.573.085	5.693.621.860
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.124.573.085	5.693.621.860
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.013.198.349	73.769.006.949

Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016


 Nguyễn Thị Hoa
 Người lập biểu


 Lê Chí Nguyên Thăng
 Kế toán trưởng


 Phạm Văn Hội
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.325.963.887 ✓	69.954.134.318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	91.325.963.887	69.954.134.318
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.603.579.286	58.291.175.790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.722.384.601	11.662.958.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	354.549.288 ✓	635.400.685
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.252.081.000	2.367.750.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.252.081.000	2.367.750.000
8. Chi phí bán hàng	25		260.561.271	173.613.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.540.167.640	2.457.480.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.024.123.978	7.299.515.206
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.024.123.978	7.299.515.206
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	2.899.550.893	1.605.893.346
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.124.573.085</u>	<u>5.693.621.860</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>4.850</u>	<u>3.399</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>4.511</u>	<u>3.193</u>


 Nguyễn Thị Hoa
 Người lập biểu


 Lê Chí Nguyên Thăng
 Kế toán trưởng


 Phạm Văn Hội
 Giám đốc



Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.024.123.978	7.299.515.208
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	6.498.983.706	4.106.059.087
- Các khoản dự phòng	03		-	87.512.173
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(213.208.220)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.252.081.000	2.367.750.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.561.980.464	13.860.836.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.937.491.829)	9.928.185.457
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(415.068.976)	(163.006.102)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.869.657.462)	35.120.311.650
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.479.647	79.174.682
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(2.367.750.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.162.638.000)	(793.494.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(2.683.498.116)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(364.400.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(133.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.370.705.728	55.299.857.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.8	(1.881.800.689)	(37.461.766.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		213.208.220	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.668.592.469)	(37.461.766.479)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)



Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016

Phạm Văn Hội
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.750.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản tuân thủ theo đúng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tăng, giảm, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

8. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.4.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	98.281.829	114.318.331
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	24.405.764.292	16.787.614.531
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
Cộng	24.504.046.121	24.901.932.862

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(¹) Chi tiết**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	17.970.606.418	15.591.168.391
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cầu Giao dịch Đồng Nai	0.405.157.074	1.190.440.140
Cộng	24.405.764.292	16.787.614.531

2. Phải thu của khách hàng***Phải thu của khách hàng ngắn hạn***

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.691.784.788	-	4.925.520.135	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.727.074.000	-	-	-
Công ty TNHH Pouchen Việt Nam	198.544.500	-	193.266.000	-
Cộng	9.617.403.288	-	5.118.786.135	-

Phải thu của khách hàng dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Ban Quản lý Thành phố Biên Hòa	1.364.147.245	-	2.232.535.277	-
UBND Phường Long Bình	780.719.389	-	780.719.389	-
Phòng Quản lý Đô thị Tp. Biên Hòa	126.871.534	-	149.708.534	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng An Hưng Phát	149.197.409	-	149.197.409	-
Công ty TNHH Xây dựng Duy Tiên	87.512.173	87.512.173	87.512.173	87.512.173
Các khách hàng khác	-	-	27.196.465	-
Cộng	2.508.447.750	87.512.173	3.426.869.247	87.512.173

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.691.784.788	-	4.925.520.135	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.727.074.000	-	-	-
Cộng	9.418.858.788	-	4.925.520.135	-

3. Trả trước cho người bán***Trả trước cho người bán ngắn hạn***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Việt Tân Tiến	71.482.620	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	5.000.000	-
Cộng	76.482.620	-

4. Phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	274.695.309	-	310.822.319	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	705.940.563	-	389.000.000	-
Ký quỹ, bảo lãnh hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Nai	385.452.900	-	389.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	320.487.663	-	-	-
Cộng	080.635.872	-	000.822.319	-

Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản ký quỹ, ký cược	320.487.663	320.487.663	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	320.487.663	320.487.663	-	-
Cộng	320.487.663	320.487.663	-	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	87.512.173	87.512.173
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn hơn 3 năm	87.512.173	87.512.173
Cộng	87.512.173	87.512.173

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	87.512.173
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	87.512.173

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	228.367.913	-	100.495.967	-
Công cụ, dụng cụ	538.157.433	-	250.960.403	-
Cộng	766.525.346	-	351.456.370	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị ^(*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn ^(*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.567.243.234	21.450.757.140	8.530.395.406	150.715.999	47.699.111.779
Tăng trong năm	-	2.705.891.325	554.414.364	64.000.000	3.324.305.689
Mua sắm mới	-	1.369.433.273	-	64.000.000	1.433.433.273
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.336.458.052	554.414.364	-	1.890.872.416
Giảm trong năm	(82.820.000)	-	-	-	(82.820.000)
Giảm công trình bơm nước thô Nhà máy Hóa An theo quyết toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	(82.820.000)	-	-	-	(82.820.000)
Số cuối năm	17.484.423.234	24.156.648.465	9.084.809.770	214.715.999	50.940.597.468
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.129.855.200	1.434.600.981	3.061.017.070	32.337.999	5.657.811.250
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.700.519.138	3.431.822.005	3.616.611.984	45.491.110	9.794.444.237
Tăng trong năm	2.416.038.983	3.170.825.687	888.833.807	23.285.229	6.498.983.706
Khấu hao trong năm	2.416.038.983	3.170.825.687	888.833.807	23.285.229	6.498.983.706
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.116.558.121	6.602.647.692	4.505.445.791	68.776.339	16.293.427.943
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.866.724.096	18.018.935.135	4.913.783.422	105.224.889	37.904.667.542
Số cuối năm	12.367.865.113	17.554.000.773	4.579.363.979	145.939.660	34.647.169.525

(*) Toàn bộ tài sản hình thành của nhà máy nước Hóa An được đem thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 16/2013/HĐTC-TD và một số tài phương tiện vận tải với giá trị 235.287.000 đồng được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 33/2015/HĐTC-TD ngày 08/09/2015 để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai (Xem thuyết minh V.15).

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay
Số đầu năm	1.442.505.000
Tăng trong năm	448.367.416
Giảm do kết chuyển tài sản	(1.890.872.416)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải trả người bán*****Phải trả người bán ngắn hạn***

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dội thi công xây lắp	3.438.287.000	3.438.287.000	-	-
Công ty TNHH MTV Tuấn Phát Lợi	645.553.700	645.553.700	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	72.170.747	72.170.747	43.788.920	43.788.920
Công ty TNHH Thành Thái	56.766.420	56.766.420	-	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	49.060.000	49.060.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	47.053.300	47.053.300	5.791.170.820	5.791.170.820
Cộng	4.306.891.167	4.306.891.167	5.834.959.740	5.834.959.740

Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây lắp Long Hải Vương	30.090.244	30.090.244	30.090.244	30.090.244
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	12.917.000	12.917.000	4.492.180.050	4.492.180.050
Công ty TNHH MTV Đức Nghĩa	6.197.300	6.197.300	6.197.300	6.197.300
Ông Trần Văn Đông	4.587.000	4.587.000	4.587.000	4.587.000
Các nhà cung cấp khác	-	-	30.604.105	30.604.105
Cộng	53.791.544	53.791.544	4.563.658.699	4.563.658.699

Phải trả nhà cung cấp là bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	72.170.747	72.170.747	43.788.920	43.788.920
Cộng	72.170.747	72.170.747	43.788.920	43.788.920

10. Người mua trả tiền trước***Người mua trả tiền trước dài hạn***

Là khoản ứng trước của Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	488.226.979	5.632.473.471	(5.798.837.003)	321.863.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp	923.686.498	2.899.550.893	(2.683.498.116)	1.139.739.275
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	425.364.300	(425.364.300)	1.500.000
Thuế tài nguyên	23.964.170	282.696.514	(284.966.238)	21.694.446
Các loại thuế khác	-	33.051.570	(33.051.570)	-
Cộng	1.437.377.647	9.273.136.748	(9.225.717.227)	1.484.797.168

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.024.123.978	7.299.515.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.155.652.805	
<i>Chi phí trích trước (chi phí nhân công thuê ngoài)</i>	<i>2.155.652.805</i>	
Thu nhập tính thuế	13.179.776.783	7.299.515.206
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.899.550.893	1.605.893.346

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Lương tháng 12	844.352.000	844.352.000	507.182.013	507.182.013
Lương tháng 13	5.728.870.793	5.728.870.793	4.367.109.097	4.367.109.097
Quỹ dự phòng 17%	2.745.045.823	2.745.045.823	1.926.180.553	1.926.180.553
Cộng	9.318.268.616	9.318.268.616	6.800.471.663	6.800.471.663

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả****Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí nhân công thuê ngoài phải trả của quý 4	2.155.652.805	2.155.652.805	-	-
Chi phí lãi vay phải trả	89.443.000	89.443.000	-	-
Cộng	2.245.095.805	2.245.095.805	-	-

14. Phải trả khác**Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	192.522.832	192.522.832	192.522.832	192.522.832
Bảo hiểm xã hội	101.053.413	101.053.413	160.763.605	160.763.605
Bảo hiểm y tế	18.975.187	18.975.187	48.559.211	48.559.211
Bảo hiểm thất nghiệp	36.556.643	36.556.643	31.620.663	31.620.663
Phải trả công nhân viên	-	-	335.000.000	335.000.000
Cộng	349.108.075	349.108.075	768.466.311	768.466.311

15. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	25.625.000.000	25.625.000.000	29.375.000.000	29.375.000.000
Cộng	25.625.000.000	25.625.000.000	29.375.000.000	29.375.000.000

Là khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai theo HĐ 54/2013/HĐTD-TD ngày 30/09/2013; Phụ lục hợp đồng số 26/2015/PLHĐTD-TD ngày 14/01/2015; Phụ lục hợp đồng số 95/2015/PLHĐTD-TD ngày 01/06/2015.

Thời hạn vay: 108 tháng;

Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án theo Hợp đồng thế chấp số 16/2013/HĐTC-TD ngày 30/09/2013. Một phần khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị 235.287.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2015/HĐTC-TD ngày 08/09/2015.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	25.625.000.000	29.375.000.000
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	25.625.000.000	29.375.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	29.375.000.000
Tiền vay phát sinh trong năm	-
Tiền vay đã trả trong năm	(3.750.000.000)
Số cuối năm	25.625.000.000

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	99.784.739	284.681.000	(133.400.000)	251.065.739
Quỹ phúc lợi	135.385.325	284.681.000	-	420.066.325
Cộng	235.170.064	569.362.000	(133.400.000)	671.132.064

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	16.750.000.000	31.510.500	1.437.099.086	3.449.079.311	21.667.688.897
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.693.621.860	5.693.621.860
Trích quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	591.671.379	(591.671.379)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	(490.107.932)	(490.107.932)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	(2.367.300.000)	(2.367.300.000)
Số dư cuối năm trước	16.750.000.000	31.510.500	2.028.770.465	5.693.621.860	24.503.902.825
Số dư đầu năm nay	16.750.000.000	31.510.500	2.028.770.465	5.693.621.860	24.503.902.825
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	8.124.573.085	8.124.573.085
Trích lập quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	1.774.259.860	(1.774.259.860)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	(569.362.000)	(569.362.000)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(3.350.000.000)	(3.350.000.000)
Số dư cuối năm nay	16.750.000.000	31.510.500	3.803.030.325	8.124.573.085	28.709.113.910

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	6.030.000.000	6.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.720.000.000	10.720.000.000
Cộng	16.750.000.000	16.750.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức	3.350.000.000	2.367.300.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	3.350.000.000	2.367.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ tức đã chi trả cho bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	1.206.000.000	852.228.000
Cộng	1.206.000.000	852.228.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.075.000	1.075.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.675.000	1.675.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.675.000	1.675.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.675.000	1.675.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.675.000	1.675.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	91.325.963.887	69.954.134.318
Doanh thu cấp nước	28.094.589.900	16.869.081.900
Doanh thu hoạt động xây lắp	63.231.373.987	53.085.052.418
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	91.325.963.887	69.954.134.318
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu cấp nước	28.094.589.900	16.869.081.900
Doanh thu hoạt động xây lắp	63.231.373.987	53.085.052.418

Doanh thu với bên liên quan

	Năm nay
Cung cấp nước	26.166.042.900
Cung cấp dịch vụ xây lắp	58.549.893.385
Cộng	84.715.936.285

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cấp nước (*)	20.973.664.487	12.701.524.466
Giá vốn hoạt động xây lắp (**)	54.629.914.799	45.589.651.324
Cộng	75.603.579.286	58.291.175.790

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(¹) Giá vốn hoạt động cấp nước**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	711.174.978	395.954.389
Chi nhân công trực tiếp	7.543.352.104	2.827.084.825
Chi phí sản xuất chung	12.719.137.405	9.478.485.252
Giá vốn hoạt động cấp nước	20.973.664.487	12.701.524.466

(²) Giá vốn hoạt động xây lắp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	8.494.523.717	7.352.215.159
Chi nhân công trực tiếp	38.509.973.213	33.210.426.707
Chi phí sản xuất chung	7.625.417.869	5.027.009.458
Giá vốn hoạt động xây lắp	54.629.914.799	45.589.651.324

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	141.341.068	101.055.299
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	213.208.220	534.345.386
Cộng	354.549.288	635.400.685

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.088.783.423	1.687.032.968
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.113.110	243.168.712
Thuế, phí và lệ phí	44.993.361	42.641.078
Chi phí dự phòng	-	87.512.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.003.081	197.882.407
Chi phí bằng tiền khác	170.274.665	199.243.305
Cộng	2.540.167.640	2.457.480.643

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.124.573.085	5.693.621.860
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.124.573.085	5.693.621.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.675.000	1.675.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.850	3.399

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.124.573.085	5.693.621.860
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	<u>(569.362.000)</u>	<u>(344.907.932)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.555.211.085	5.348.713.028
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>1.675.000</u>	<u>1.675.000</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>4.511</u>	<u>3.193</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.809.606.871	9.438.204.516
Chi phí nhân công	50.758.528.164	40.012.950.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.024.191.502	4.107.575.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.902.617.411	2.016.780.214
Chi phí khác	3.909.364.249	5.346.758.416
Cộng	<u>78.404.308.197</u>	<u>60.922.269.797</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

3. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

4. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Đơn vị tính: VND</u>
	<u>Năm nay</u>
Thù lao	120.000.000
Lương	828.224.000
Cộng	<u>948.224.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Cổ đông

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Công ty cùng tập đoàn

Trong năm tài chính, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay**Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Cung cấp dịch vụ lắp đặt

56.979.826.112

Cung cấp nước

26.166.042.900

Trả cổ tức

1.206.000.000

Mua vật tư xây lắp

678.512.403

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Cung cấp dịch vụ lắp đặt

1.570.067.273

Ký quỹ bảo đảm công trình

320.487.663

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm**Số đầu năm****Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ

7.691.784.788

4.925.520.135

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Phải thu tiền cung cấp dịch vụ

1.727.074.000

-

Ký quỹ bảo đảm công trình

320.487.663

-

Cộng công nợ phải thu**9.739.346.451****4.925.520.135****Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Phải thu tiền cung cấp dịch vụ

72.170.747

43.788.920

Cộng công nợ phải trả**72.170.747****43.788.920**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản lương đương tiền	24.504.046.121	24.901.932.862	24.504.046.121	24.901.932.862
Phải thu khách hàng	12.125.851.038	8.545.655.382	12.125.851.038	8.545.655.382
Các khoản phải thu khác	980.635.872	699.822.319	980.635.872	699.822.319
Cộng	37.610.533.031	34.147.410.563	37.610.533.031	34.147.410.563
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.360.682.711	10.398.618.439	4.360.682.711	10.398.618.439
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.484.797.168	1.437.377.647	1.484.797.168	1.437.377.647
Phải trả người lao động	9.318.268.616	6.800.471.663	9.318.268.616	6.800.471.663
Phải trả ngắn hạn khác	2.594.203.880	768.466.311	2.594.203.880	768.466.311
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	25.625.000.000	29.375.000.000	25.625.000.000	29.375.000.000
Cộng	43.382.952.375	48.779.934.060	43.382.952.375	48.779.934.060

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác được trình bày ở các thuyết minh V.16.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.504.048.121	-	24.504.048.121
Phải thu khách hàng	12.125.851.038	-	12.125.851.038
Các khoản phải thu khác	980.635.872	-	980.635.872
Cộng	37.610.533.031	-	37.610.533.031
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.901.932.862	-	24.901.932.862
Phải thu khách hàng	8.545.655.382	-	8.545.655.382
Các khoản phải thu khác	699.822.319	-	699.822.319
Cộng	34.147.410.563	-	34.147.410.563

8. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.'

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	4.306.891.167	53.791.544	4.360.682.711
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.484.797.168	-	1.484.797.168
Phải trả người lao động	9.318.268.616	-	9.318.268.616
Phải trả ngắn hạn khác	2.594.203.880	-	2.594.203.880
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	-	25.625.000.000	25.625.000.000
Cộng	17.704.160.831	25.678.791.544	43.382.952.375
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	5.834.959.740	4.563.658.699	10.398.618.439
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.437.377.647	-	1.437.377.647
Phải trả người lao động	6.800.471.663	-	6.800.471.663
Phải trả ngắn hạn khác	768.466.311	-	768.466.311
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	-	29.375.000.000	29.375.000.000
Cộng	14.841.275.361	33.938.658.699	48.779.934.060

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin về bộ phận

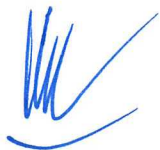
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

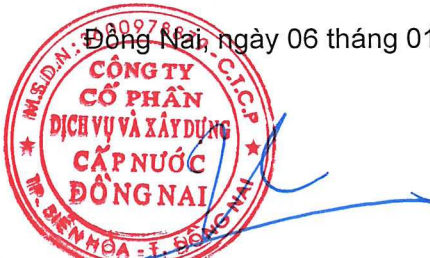
Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	Cấp nước	Dịch vụ xây lắp	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	28.094.589.900	63.231.373.987	91.325.963.887
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(20.973.664.487)	(54.629.914.799)	(75.603.579.286)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	49.068.254.387	117.861.288.786	15.722.384.601
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.800.728.911)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.921.655.690
Doanh thu tài chính			354.549.288
Chi phí tài chính			(2.252.081.000)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.899.550.893)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			8.124.573.085


Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng


Phạm Văn Hội
Giám đốc



Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016